CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn

Ngày 31/12/2024	11,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.3%	**-3.3%**	**-**

DT thuần
Q4/24
1.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.11| 6.6%
YoY: ▼2.14| -53.5%

LN thuần
Q4/24
-0.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38| -80.5%
YoY: ▲ 0.96| 53.1%

LN sau thuế
Q4/24
-1.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.55| -101%
YoY: ▲ 0.81| 42.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-76.9%
YoY: +/-▼ 12.6%

ROE
2024
-35.8%
YoY: +/-▲ 4.4%

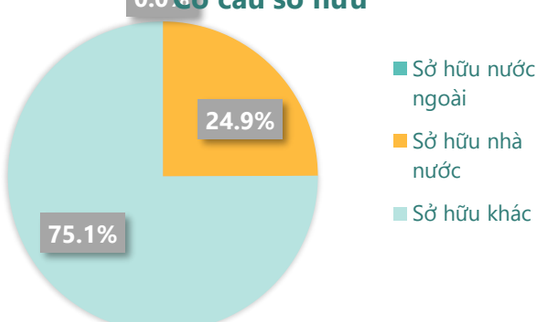
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 23,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	-2,526
P/E	-4.7

DT thuần
2024
6.53
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.27| -48.9%

LN thuần
2024
-4.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.86| 48.1%

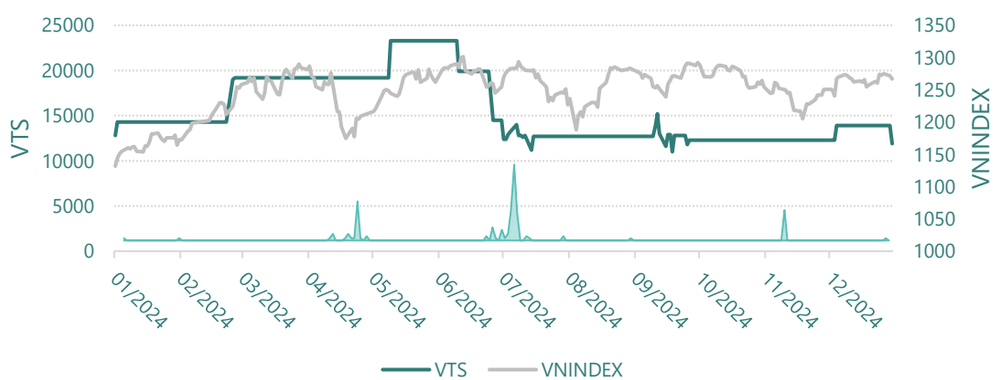
LN sau thuế
2024
-5.05
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.31| 39.6%

Cơ cấu sở hữu

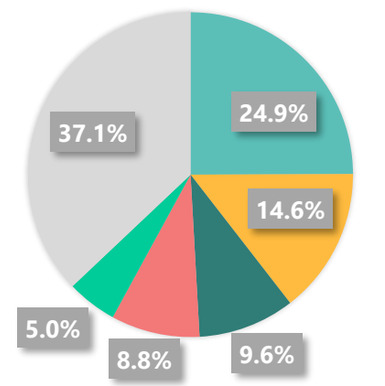


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

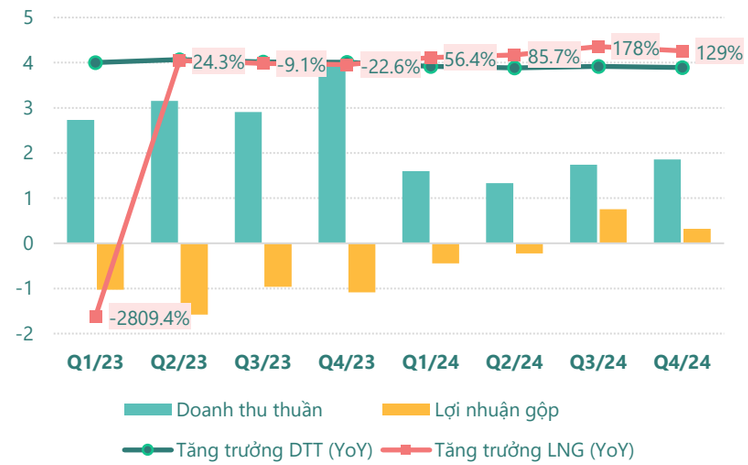


- Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Nguyễn Văn Duy (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Cơ (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Văn Thân
- Nguyễn Thị Mơ (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

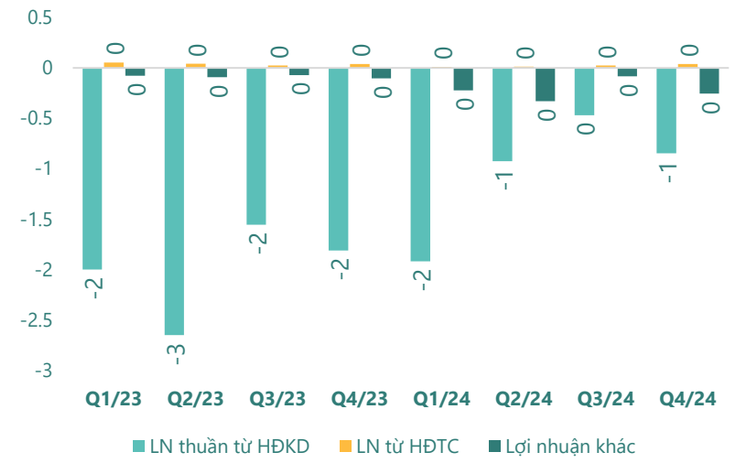
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



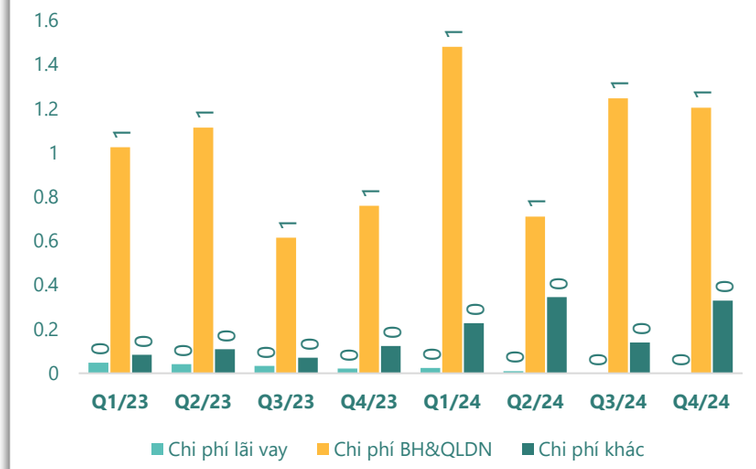
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



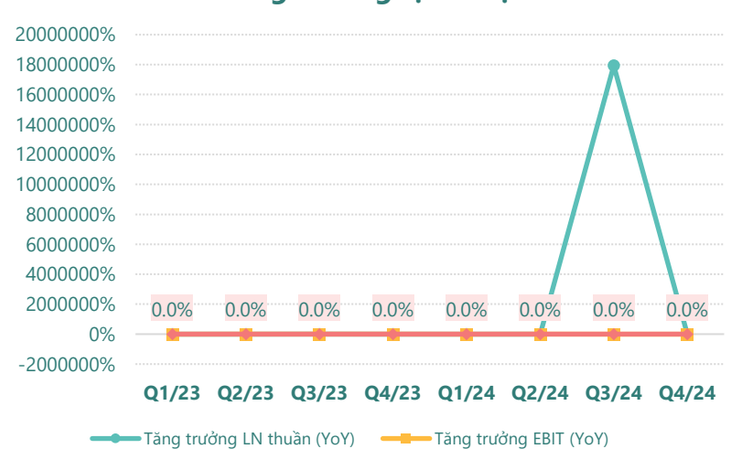
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



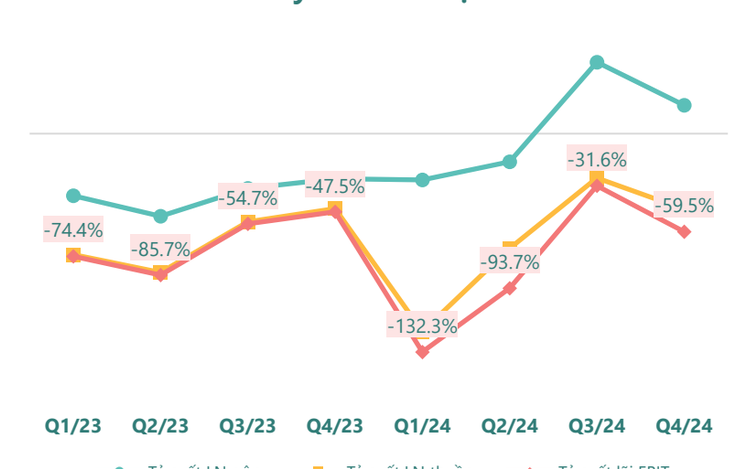
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



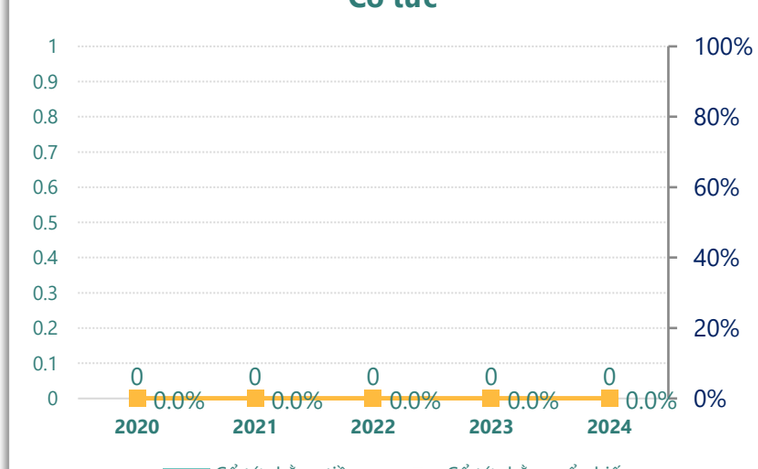
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

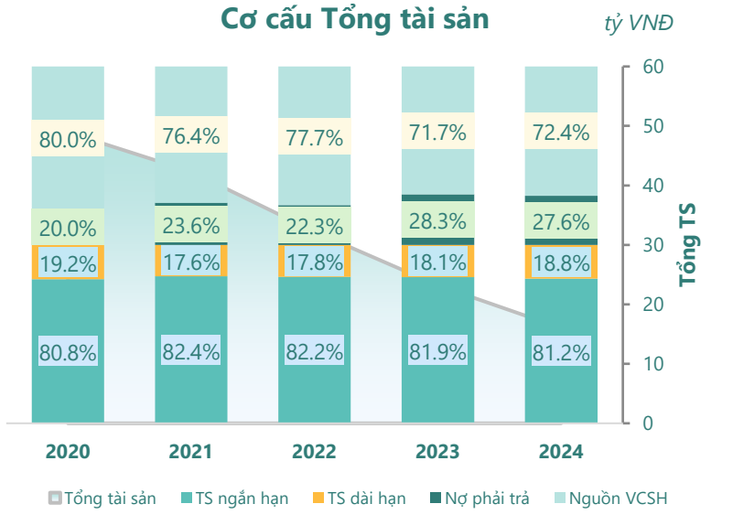
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

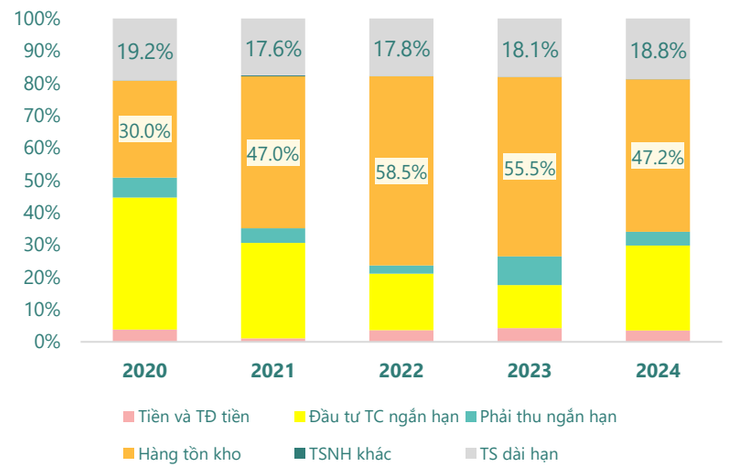
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



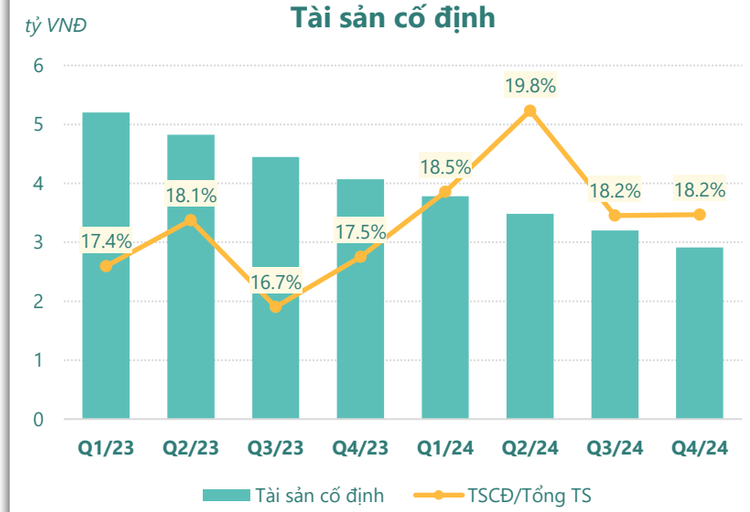
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



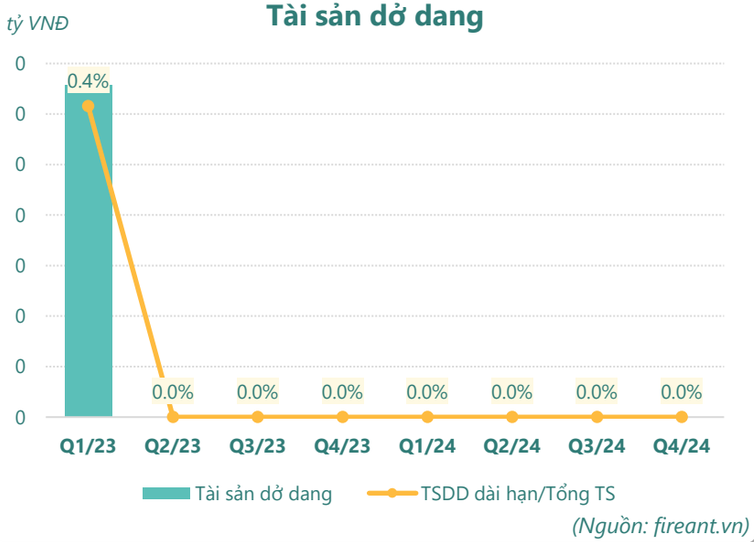
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



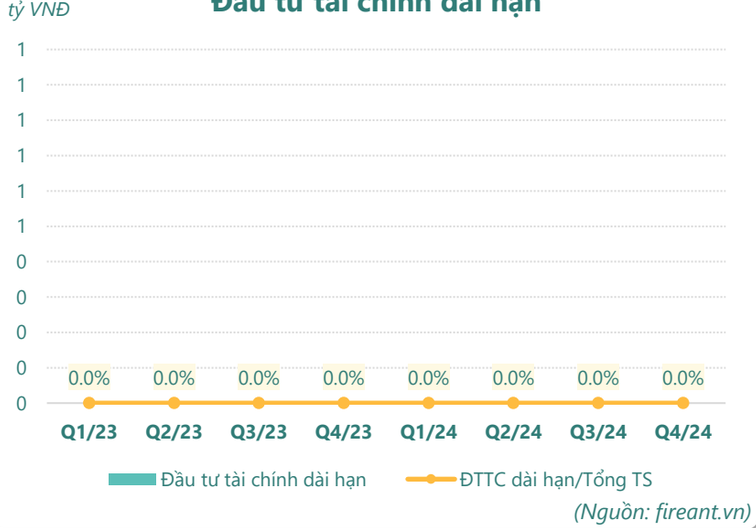
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



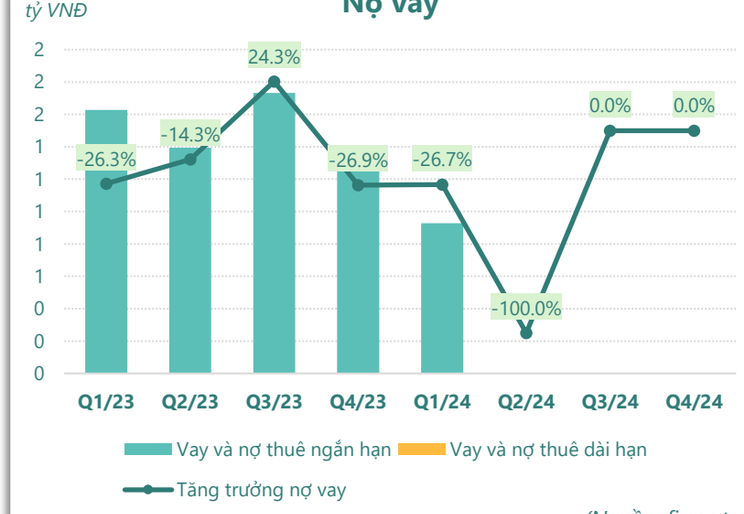
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

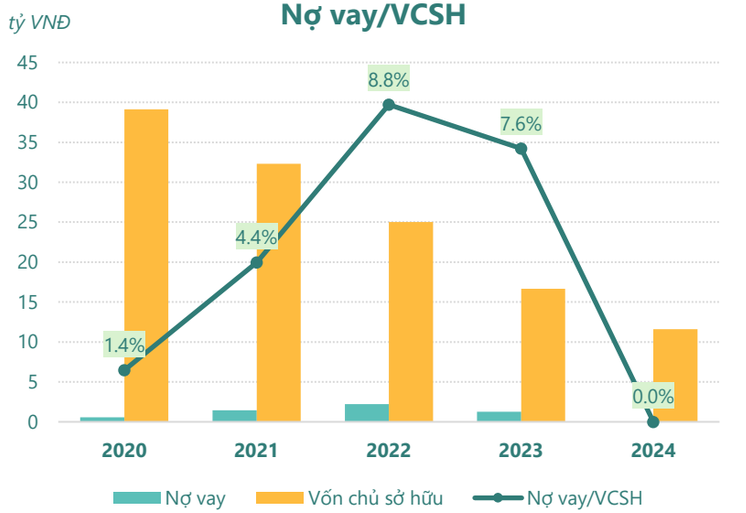
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

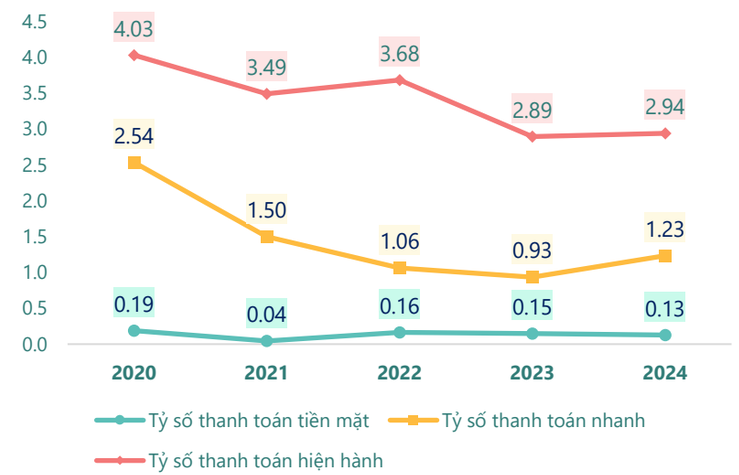
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



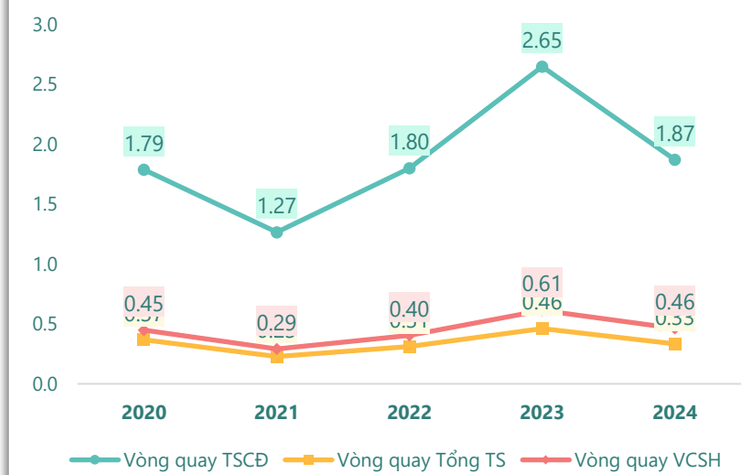
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



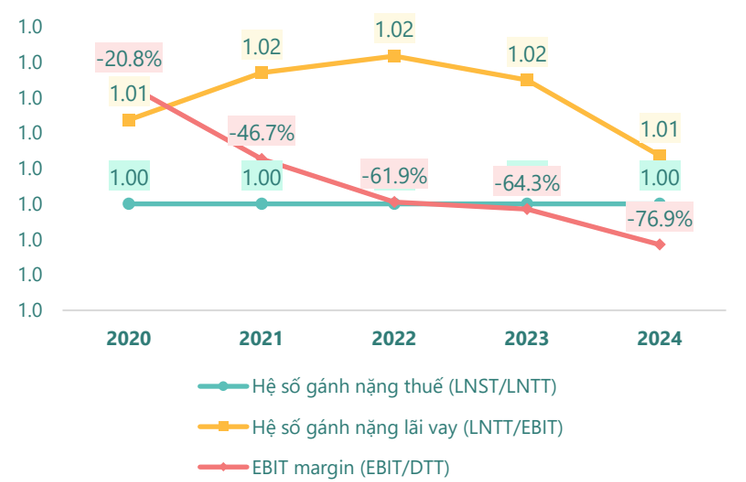
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



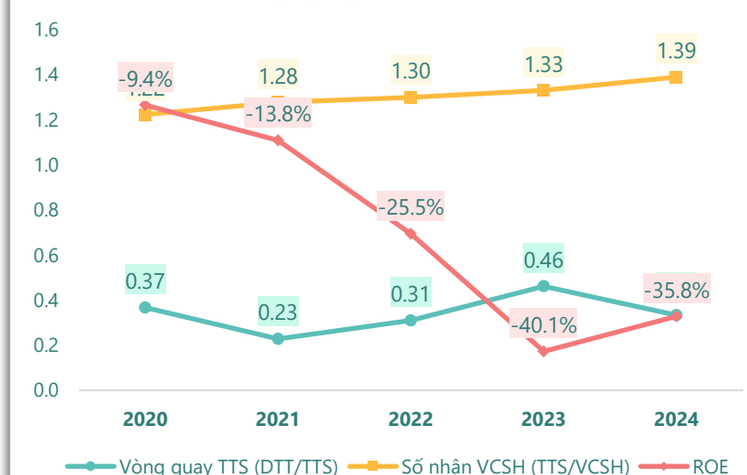
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



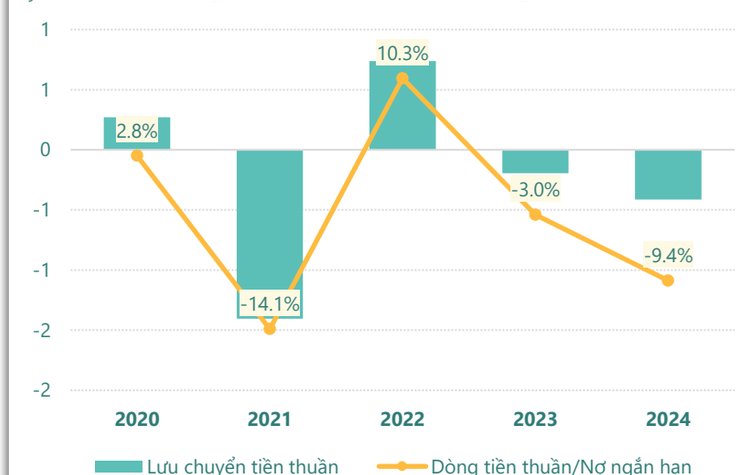
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.85**	**3.99**	**-53.5%**	**6.53**	**12.8**	**-48.9%**
Giá vốn hàng bán	1.53	5.07	-69.7%	6.13	17.4	-64.9%
Lợi nhuận gộp	0.32	-1.09	129%	0.40	-4.66	109%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.06	-38.0%	0.12	0.30	-60.4%
Chi phí TC	0	0.02	-100%	0.03	0.14	-76.2%
Chi phí lãi vay	0	0.02	-100%	0.03	0.14	-76.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.40	0.15	169%	1.27	0.66	92.2%
Chi phí QLDN	**0.80**	**0.61**	**31.3%**	**3.38**	**2.86**	**18.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.85	-1.81	53.1%	-4.16	-8.02	48.1%
Lợi nhuận khác	**-0.26**	**-0.10**	**-156%**	**-0.89**	**-0.34**	**-159%**
LN trước thuế	-1.10	-1.91	42.2%	-5.05	-8.36	39.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.10**	**-1.91**	**42.2%**	**-5.05**	**-8.36**	**39.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.10**	**-1.91**	**42.2%**	**-5.05**	**-8.36**	**39.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.74	-0.32	0	0	1.22	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.33	0	0	-0.97	-0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.34	-0.47	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.84	0.44	0	0	0.58	0.83
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.41**	**0.54**	**0**	**0**	**0.25**	**-0.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.44	0.98	0	0	0.83	0.57

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**16.0**	**23.2**	**-31.0%**
Tài sản ngắn hạn	13.0	19.0	-31.7%
Tiền và tương đương tiền	0.57	0.98	-42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.20	3.10	35.5%
Phải thu ngắn hạn	0.67	2.05	-67.2%
Hàng tồn kho	7.55	12.9	-41.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	5.8%
Tài sản dài hạn	**3.01**	**4.20**	**-28.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.91	4.07	-28.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.10**	**0.13**	**-18.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.42	6.57	-32.8%
Nợ ngắn hạn	**4.42**	**6.57**	**-32.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.27	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.78	3.43	-19.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11.6**	**16.6**	**-30.3%**
Vốn chủ sở hữu	**11.6**	**16.6**	**-30.3%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)